

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TỊNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **81/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 14- 8- 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thượng Trọng Ký

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phạm Quang Ý

2- Bà Đào Thị Thu Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa bà Võ Duy Hoàng Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-DS ngày 24/7/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Châu Thị Đ**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: **Xóm E, M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.**

2- Bị đơn: Anh **Nguyễn L**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: **Xóm E, M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.**

Chị **Đ** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **L** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20- 03- 2024, trong quá trình giải quyết vụ án chị **Châu Thị Đ** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **Đ** và anh **Nguyễn L** trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi** ngày 24 tháng 12 năm 2001 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc chị **Châu Thị Đ** có tên là **Châu Thị Minh V** nhưng chị **Đ** đã được **UBND xã T** cải chính hộ tịch vào ngày 13/3/2024 từ tên **Châu Thị Minh V** thành tên **Châu Thị Đ**). Sau khi kết hôn vợ chồng Chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị **Đ** và anh **L** không có tiếng nói chung, vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Nay, chị **Đ** xét thấy tình cảm với anh **L** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **Đ** yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh **Nguyễn Lập**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên là **Nguyễn Phương T**, sinh ngày 19/12/2005; **Nguyễn Thị Mỹ K**, sinh ngày 14/12/2009;

Hiện nay hai con đang sống với chị **Đ**, khi ly hôn Chị yêu cầu được nuôi con **Nguyễn Thị Mỹ K** không cần anh **L** cấp dưỡng cho con. Còn con **Nguyễn Phương T** đã hơn 18 tuổi, có đầy đủ sức khỏe nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị **Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị **Đ** trình bày không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Nguyễn L** không đến Tòa án cũng như không có bản trình bày gửi đến Tòa đối với yêu cầu của chị **Đ**.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS (Bộ luật Tố tụng dân sự) trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 238 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị **Châu Thị Đ** với anh **Nguyễn L**.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đ**. Giao cho chị **Châu Thị Đ** được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con **Nguyễn Thị Mỹ K**, sinh ngày 14/12/2009, anh **L** không cấp dưỡng cho con; còn con **Nguyễn Phương T**, sinh ngày 19/12/2005 đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Đương sự trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Chị **Châu Thị Đ** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Chị **Đ** có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh **L** vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị **Đ** và anh **L** tự tìm hiểu rồi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **S**, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24/12/2001. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị **Đ** có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị **Đ**, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị **Đ** và anh lập sống không hợp nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được và hiện nay đã ly thân từ năm 2015, phần ai nấy sống. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Đ** là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy chị **Đ** và anh **L** có 02 con chung là **Nguyễn Phương T**, sinh ngày 19/12/2005; **Nguyễn Thị Mỹ K**, sinh ngày 14/12/2009. Sau khi ly hôn đối với **Nguyễn Phương T**, sinh ngày 19/12/2005 đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe nên chị **Đ** yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con **Nguyễn Thị Mỹ K**, sinh ngày 14/12/2009, không yêu cầu anh lập cấp dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị **Châu Thị Đ** nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Châu Thị Đ** đối với anh **Nguyễn L**.

1. Về hôn nhân: Chị **Châu Thị Đ** được ly hôn với anh **Nguyễn L**.

2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Thị Mỹ K**, sinh ngày 14/12/2009 cho chị **Châu Thị Đ** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Nguyễn L** không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị **Châu Thị Đ** nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm phần ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002253 ngày 02-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Chị **Châu Thị Đ** đã nộp đủ án phí.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Hiệp, huyện Sơn Tịnh,
tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: Ấn văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng Trọng Ký

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thượng Trọng Ký